

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /UBND-TH
V/v thực hiện Nghị định số
262/2026/NĐ-CP của Chính phủ

Nghệ An, ngày tháng 7 năm 2026

Kính gửi:

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Sở Ngoại vụ;
- Công an tỉnh.

Thực hiện Nghị định số 262/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động báo chí của cơ quan báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam;

(Có văn bản kèm theo)

Phó Chủ tịch UBND tỉnh Thái Văn Thành có ý kiến như sau:

Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Sở Ngoại vụ, Công an tỉnh và đơn vị, địa phương liên quan triển khai thực hiện tại văn bản nêu trên; tham mưu những nhiệm vụ thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của UBND tỉnh đảm bảo kịp thời, đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT VX UBND tỉnh;
- CVP, PVP VX UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH (N).

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

Hồ Đức Tuấn

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 262/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định về hoạt động báo chí của cơ quan báo chí nước ngoài,
cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Báo chí số 126/2025/QH15;

Căn cứ Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 47/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 51/2019/QH14 và Luật số 23/2023/QH15;

Căn cứ Luật Điện ảnh số 05/2022/QH15;

Căn cứ Luật Cư trú số 68/2020/QH14;

Căn cứ Luật Xuất bản số 19/2012/QH13;

Căn cứ Pháp lệnh số 25-L/CTN về quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về hoạt động báo chí của cơ quan báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết khoản 1 Điều 47 của Luật Báo chí số 126/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật số 126/2025) về hoạt động báo chí và hoạt động liên quan đến báo chí của cơ quan báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ quan báo chí nước ngoài là cơ quan thông tấn, phát thanh, truyền hình, báo in, báo điện tử và các loại hình báo chí khác của nước ngoài được thành lập và có trụ sở ở nước ngoài, được pháp luật nước ngoài công nhận.

2. Văn phòng thường trú là văn phòng đại diện của cơ quan báo chí nước ngoài được thành lập tại Việt Nam.

3. Phóng viên thường trú là phóng viên, biên tập viên có quốc tịch nước ngoài được cơ quan báo chí nước ngoài cử vào Việt Nam làm việc theo chế độ thường trú.

4. Phóng viên không thường trú là phóng viên, biên tập viên có quốc tịch nước ngoài được cơ quan báo chí nước ngoài cử vào Việt Nam làm việc ngắn hạn và không được hưởng chế độ phóng viên thường trú.

5. Trợ lý báo chí là công dân Việt Nam làm việc theo hợp đồng cho văn phòng thường trú tại Việt Nam để hỗ trợ phóng viên thường trú và văn phòng thường trú trong các hoạt động báo chí tại Việt Nam.

6. Cộng tác viên là công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài đang cư trú và làm việc hợp pháp ở Việt Nam được văn phòng thường trú thuê để hỗ trợ cho một số hoạt động báo chí cụ thể của phóng viên thường trú, văn phòng thường trú trong một thời gian nhất định.

7. Hoạt động liên quan đến báo chí của cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam là hoạt động trưng bày tranh ảnh, treo pa-nô, áp phích, màn hình và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam; chiếu phim, triển lãm tại Việt Nam có mời công dân Việt Nam tham dự.

8. Ấn phẩm thông tin của cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là ấn phẩm thông tin nước ngoài) là sản phẩm chứa đựng nội dung thông tin được thể hiện bằng chữ viết, hình ảnh, âm thanh, được xuất bản dưới hình thức bản in hoặc phát hành bằng phương thức điện tử để lưu hành tại Việt Nam, bao gồm:

a) Bản tin, đặc san và các hình thức tương đương theo quy định của pháp luật về báo chí.

b) Xuất bản phẩm là tài liệu không kinh doanh.

c) Sản phẩm thông tin âm thanh, hình ảnh mang nội dung báo chí.

9. Hợp báo là hoạt động cung cấp thông tin do các cơ quan, tổ chức, đoàn khách nước ngoài, cá nhân người nước ngoài tổ chức tại Việt Nam có mời đại diện cơ quan báo chí, công dân Việt Nam tham dự để thông báo, công bố, tuyên bố, giải thích về một vấn đề thuộc thẩm quyền, có liên quan đến nhiệm vụ và lợi ích của các cơ quan, tổ chức, đoàn khách, cá nhân đó.

10. Cơ quan chức năng được Bộ Ngoại giao chấp thuận bao gồm cơ quan hướng dẫn báo chí nước ngoài của Bộ Ngoại giao hoặc cơ quan, tổ chức trực tiếp mời, làm thủ tục, đón và hướng dẫn phóng viên nước ngoài vào hoạt động báo chí tại Việt Nam.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động báo chí của cơ quan báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam

1. Mọi hoạt động báo chí của cơ quan báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam chỉ được phép tiến hành sau khi có sự chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền quy định tại Nghị định này và phải tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi diễn ra hoạt động.

2. Hoạt động xuất bản báo chí trên không gian mạng của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam về báo chí, an ninh mạng, các quy định pháp luật có liên quan và phù hợp với các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định tại Nghị định này tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Những nội dung liên quan đến hoạt động báo chí, hoạt động liên quan đến báo chí của cơ quan báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài và tổ chức nước ngoài tại Việt Nam không quy định tại Nghị định này thì áp dụng quy định của Luật Báo chí, pháp luật chuyên ngành có liên quan và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Chương II **HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ CỦA BÁO CHÍ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

Mục 1 **PHÓNG VIÊN KHÔNG THƯỜNG TRÚ**

Điều 5. Thủ tục cấp phép hoạt động báo chí cho phóng viên không thường trú

1. Phóng viên nước ngoài có yêu cầu hoạt động báo chí tại Việt Nam gửi hồ sơ đề nghị trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính, trực tiếp, hoặc thư điện tử đến Bộ Ngoại giao, cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự, cơ quan đại diện của Việt Nam tại tổ chức quốc tế (sau đây gọi chung là cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài) ít nhất 10 ngày trước ngày dự định vào Việt Nam.

Thành phần hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị hoạt động báo chí tại Việt Nam cho phóng viên không thường trú theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Bản chụp trang thông tin cá nhân trong hộ chiếu còn giá trị ít nhất 06 tháng của phóng viên nước ngoài.

2. Trường hợp hồ sơ được nộp qua cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, trong thời hạn 24 giờ kể từ khi tiếp nhận hồ sơ đề nghị hợp lệ, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài có trách nhiệm chuyển hồ sơ về Bộ Ngoại giao để xử lý theo quy định.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ, Bộ Ngoại giao cấp giấy phép hoạt động báo chí bản điện tử cho phóng viên không thường trú. Trường hợp không chấp thuận, Bộ Ngoại giao trả lời bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử, đồng thời nêu rõ lý do.

Điều 6. Hoạt động báo chí của phóng viên không thường trú

1. Sau khi nhập cảnh Việt Nam, phóng viên không thường trú cần tuân thủ hướng dẫn của các cơ quan chức năng được Bộ Ngoại giao chấp thuận.

Cơ quan chức năng được Bộ Ngoại giao chấp thuận chịu trách nhiệm hướng dẫn phóng viên không thường trú hoạt động đúng mục đích và chương trình đã được cấp phép; đồng thời báo cáo về hoạt động của đoàn cho Bộ Ngoại giao trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi kết thúc chương trình hoạt động.

Khi hoạt động báo chí tại Việt Nam, phóng viên không thường trú mang theo giấy phép hoạt động báo chí và hộ chiếu.

2. Trường hợp điều chỉnh, bổ sung chương trình hoạt động, phạm vi tác nghiệp tại địa phương, phóng viên không thường trú gửi văn bản giấy hoặc văn bản điện tử tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tác nghiệp, đồng thời thông báo cho Bộ Ngoại giao. Phóng viên không thường trú chỉ được hoạt động sau khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận bằng văn bản.

3. Trường hợp tổ chức, cá nhân Việt Nam cung cấp nội dung, sản xuất chương trình cho cơ quan báo chí nước ngoài không có văn phòng thường trú tại Việt Nam, cơ quan báo chí nước ngoài gửi hồ sơ đề nghị cấp phép như quy định tại Điều 5 của Nghị định này và thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan chức năng được Bộ Ngoại giao chấp thuận.

Điều 7. Vi phạm hoạt động báo chí của phóng viên không thường trú

1. Phóng viên không thường trú có hành vi vi phạm một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 của Điều này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý bằng các hình thức nhắc nhở, cảnh cáo, đình chỉ hoạt động báo chí có thời hạn hoặc thu hồi giấy phép hoạt động báo chí, đồng thời bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Các trường hợp bị xử lý vi phạm gồm:

a) Thực hiện hoạt động báo chí không đúng mục đích, nội dung, thời gian hoặc địa điểm đã được ghi trong giấy phép hoạt động báo chí.

b) Có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về báo chí và các quy định pháp luật Việt Nam.

c) Cản trở hoạt động của cơ quan chức năng hoặc gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh, trật tự tại nơi tác nghiệp.

3. Các cơ quan chức năng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi xảy ra vi phạm có trách nhiệm kịp thời lập biên bản, đình chỉ tạm thời hoạt động và thông báo bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử kèm theo tài liệu chứng minh gửi về Bộ Ngoại giao.

Chậm nhất 24 giờ kể từ khi nhận được thông báo vi phạm, Bộ Ngoại giao tiến hành xác minh và ban hành văn bản nhắc nhở, cảnh cáo, đình chỉ có thời hạn hoạt động báo chí hoặc thu hồi giấy phép hoạt động báo chí.

Trường hợp thu hồi giấy phép hoạt động báo chí, cơ quan chức năng được Bộ Ngoại giao chấp thuận có trách nhiệm nộp lại giấy phép cho Bộ Ngoại giao.

Điều 8. Phóng viên nước ngoài đi theo đoàn khách nước ngoài

1. Phóng viên nước ngoài tháp tùng đoàn khách nước ngoài thăm Việt Nam

theo lời mời của lãnh đạo Đảng và Nhà nước hoặc Bộ Ngoại giao được phép đưa tin các hoạt động theo chương trình chính thức của đoàn khách nước ngoài.

Trường hợp có yêu cầu hoạt động báo chí nằm ngoài chương trình hoạt động chính thức của đoàn khách nước ngoài, phóng viên nước ngoài gửi hồ sơ đề nghị cấp phép hoạt động báo chí trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính, trực tiếp hoặc thư điện tử đến Bộ Ngoại giao. Thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Nghị định này.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ, Bộ Ngoại giao cấp giấy phép hoạt động báo chí cho phóng viên nước ngoài. Trường hợp không chấp thuận, Bộ Ngoại giao trả lời bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử, đồng thời nêu rõ lý do.

Sau khi được cấp giấy phép hoạt động báo chí, phóng viên nước ngoài hoạt động báo chí theo quy định tại Điều 6 của Nghị định này và tuân thủ hướng dẫn của cơ quan chức năng được Bộ Ngoại giao chấp thuận.

2. Đối với phóng viên nước ngoài tháp tùng đoàn khách nước ngoài theo lời mời của bộ, ban, ngành, địa phương, cơ quan chủ trì đón tiếp có trách nhiệm hướng dẫn phóng viên gửi hồ sơ đề nghị cấp phép hoạt động báo chí trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính, trực tiếp hoặc thư điện tử đến Bộ Ngoại giao. Thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Nghị định này. Bộ Ngoại giao cấp giấy phép hoạt động báo chí theo quy định tại khoản 3 Điều 5 của Nghị định này.

Sau khi phóng viên nước ngoài được Bộ Ngoại giao cấp phép hoạt động báo chí, cơ quan chủ trì đón tiếp thực hiện thủ tục bảo lãnh người nước ngoài nhập cảnh theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm quản lý hoạt động của phóng viên nước ngoài sau khi nhập cảnh theo quy định tại Điều 6 của Nghị định này.

Mục 2

VĂN PHÒNG THƯỜNG TRÚ, PHÓNG VIÊN THƯỜNG TRÚ

Điều 9. Thủ tục lập văn phòng thường trú và cử phóng viên thường trú

1. Cơ quan báo chí nước ngoài có nhu cầu lập văn phòng thường trú và cử phóng viên thường trú tại Việt Nam gửi hồ sơ đề nghị trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, trực tuyến hoặc thư điện tử đến Bộ Ngoại giao hoặc qua cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

Thành phần hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị lập văn phòng thường trú của cơ quan báo chí nước ngoài theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Bản chụp giấy chứng nhận tư cách pháp nhân của cơ quan báo chí nước ngoài đã được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước liên quan là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

c) Văn bản đề nghị cử phóng viên thường trú của cơ quan báo chí nước ngoài theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

d) Thông tin tóm tắt lý lịch cá nhân của người được cử làm phóng viên thường trú theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

đ) Bản chụp trang thông tin cá nhân trong hộ chiếu còn giá trị ít nhất 06 tháng của người được cử làm phóng viên thường trú.

e) Nếu người được cử làm phóng viên thường trú là đối tượng được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao, lãnh sự, người được cử phải có văn bản cam kết có xác nhận của cơ quan đại diện nước ngoài về việc từ bỏ quyền ưu đãi miễn trừ trong các hoạt động với tư cách phóng viên thường trú tính từ thời điểm được chấp thuận làm phóng viên thường trú hoặc theo thỏa thuận giữa Việt Nam và nước cử.

2. Trong thời hạn 40 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ, Bộ Ngoại giao trả lời bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử đối với việc lập văn phòng thường trú và cử phóng viên thường trú.

3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Bộ Ngoại giao, phóng viên thường trú có trách nhiệm đến Bộ Ngoại giao trao thu bổ nhiệm và nhận giấy phép lập văn phòng thường trú tại Việt Nam.

Điều 10. Hoạt động của văn phòng thường trú

1. Phóng viên thường trú hoặc người được chỉ định làm Trưởng Văn phòng thường trú (đối với văn phòng thường trú có từ 02 phóng viên trở lên) là người đứng đầu và là người đại diện hợp pháp của văn phòng thường trú tại Việt Nam; chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về toàn bộ hoạt động của văn phòng và các thành viên của văn phòng, bao gồm phóng viên thường trú, phóng viên tăng cường, trợ lý báo chí, cộng tác viên báo chí; trực tiếp ký các văn bản đề nghị cấp thẻ phóng viên thường trú, thẻ trợ lý báo chí và các văn bản liên hệ công tác với cơ quan chức năng Việt Nam.

2. Văn phòng thường trú thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Ngoại giao về địa chỉ của văn phòng thường trú chậm nhất 15 ngày trước khi văn phòng thường trú chính thức bắt đầu hoạt động.

3. Khi có nhu cầu lập thêm văn phòng làm việc tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác nơi đặt trụ sở văn phòng thường trú, văn phòng thường trú thông

báo bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử tới Bộ Ngoại giao và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chậm nhất 15 ngày trước ngày dự kiến lập văn phòng làm việc.

Nội dung thông báo đề nghị nêu rõ tên cơ quan báo chí nước ngoài, tên văn phòng thường trú tại Việt Nam, địa điểm đặt văn phòng làm việc tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác nơi đặt trụ sở văn phòng thường trú (địa chỉ cụ thể, số điện thoại và thư điện tử liên hệ), thời gian văn phòng làm việc bắt đầu hoạt động và thời hạn hoạt động dự kiến, danh sách nhân sự, phóng viên được cử đến làm việc tại văn phòng này.

Sau 15 ngày nếu Bộ Ngoại giao không có văn bản phản hồi, văn phòng thường trú được thực hiện việc lập văn phòng làm việc tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác nơi đặt trụ sở văn phòng thường trú theo đúng nội dung đã thông báo.

4. Trường hợp văn phòng thường trú thay đổi địa chỉ trong cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt trụ sở cũ, văn phòng thường trú thực hiện thông báo theo quy định tại khoản 2 của Điều này.

Trường hợp văn phòng thường trú chuyển địa điểm đến tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác nơi đặt trụ sở cũ, văn phòng thường trú thực hiện thông báo về việc chuyển địa điểm theo quy định tại khoản 3 của Điều này. Đồng thời, văn phòng thường trú có trách nhiệm gửi văn bản thông báo chấm dứt hoạt động tại địa điểm cũ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở cũ trước khi bắt đầu hoạt động tại địa điểm mới.

5. Văn phòng thường trú có nhu cầu hỗ trợ các thủ tục hành chính phục vụ cho hoạt động báo chí tại Việt Nam gửi đề nghị tới Bộ Ngoại giao để giới thiệu với các cơ quan chức năng có thẩm quyền của Việt Nam làm thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Chấm dứt hoạt động của văn phòng thường trú

1. Chấm dứt hoạt động của văn phòng thường trú khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Văn phòng thường trú hoặc cơ quan báo chí nước ngoài có nhu cầu chấm dứt hoạt động tại Việt Nam.

b) Giấy phép lập văn phòng thường trú bị thu hồi do hoạt động không đúng tôn chỉ mục đích, vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật Việt Nam, hoặc có hành vi vi phạm các quy định pháp luật về báo chí, các hành vi gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, truyền thống văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của Việt Nam.

c) Văn phòng thường trú không triển khai hoạt động báo chí thực tế tại Việt Nam trong thời gian 06 tháng liên tục.

2. Đối với các trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 của Điều này, văn phòng thường trú hoặc cơ quan báo chí nước ngoài thông báo bằng văn bản đến Bộ Ngoại giao ít nhất 30 ngày trước ngày chấm dứt hoạt động.

Đối với các trường hợp quy định tại điểm b và điểm c, khoản 1 của Điều này, Bộ Ngoại giao thông báo cho văn phòng thường trú hoặc cơ quan báo chí nước ngoài bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử chậm nhất 30 ngày trước khi quyết định chấm dứt hoạt động của văn phòng thường trú.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, văn phòng thường trú hoặc cơ quan báo chí nước ngoài gửi văn bản trả lời trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, trực tuyến hoặc qua thư điện tử đến Bộ Ngoại giao.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản trả lời, Bộ Ngoại giao thông báo quyết định tới văn phòng thường trú hoặc cơ quan báo chí nước ngoài bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử.

3. Văn phòng thường trú có trách nhiệm hoàn tất các thủ tục liên quan theo quy định, nộp lại giấy phép lập văn phòng thường trú, thẻ phóng viên thường trú cho Bộ Ngoại giao, thẻ trợ lý báo chí cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hoạt động.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi chấm dứt hoạt động của văn phòng thường trú, Bộ Ngoại giao thông báo bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử cho các cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi văn phòng thường trú đặt trụ sở.

Điều 12. Thủ tục cử bổ sung phóng viên thường trú, phóng viên tăng cường

1. Khi có nhu cầu cử bổ sung phóng viên thường trú tại địa phương khác nơi đặt trụ sở văn phòng thường trú, văn phòng thường trú gửi hồ sơ đề nghị trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, trực tuyến hoặc thư điện tử đến Bộ Ngoại giao. Thành phần hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm c, d, đ và e khoản 1 Điều 9 của Nghị định này.

Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị cử phóng viên thường trú hợp lệ, Bộ Ngoại giao đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi văn phòng thường trú dự kiến cử phóng viên thường trú cho ý kiến. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trả lời bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử cho Bộ Ngoại giao. Trong thời hạn 10 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ, Bộ Ngoại giao trả lời bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử; trường hợp không chấp thuận,

nêu rõ lý do.

2. Khi có nhu cầu cử phóng viên tăng cường, văn phòng thường trú làm thủ tục như quy định tại khoản 1 Điều 5 của Nghị định này. Phóng viên tăng cường không được hưởng quy chế phóng viên thường trú.

Điều 13. Phóng viên thường trú kiêm nhiệm

1. Các trường hợp sau được phép là phóng viên thường trú kiêm nhiệm cho văn phòng thường trú tại Việt Nam:

a) Phóng viên thường trú của văn phòng thường trú đang hoạt động tại Việt Nam.

b) Phóng viên thường trú của văn phòng thường trú ở một nước khác.

2. Cơ quan báo chí nước ngoài có nhu cầu sử dụng phóng viên thường trú kiêm nhiệm gửi hồ sơ đề nghị trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, trực tuyến hoặc thư điện tử đến Bộ Ngoại giao.

Thành phần hồ sơ đề nghị theo quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 1 Điều 9 của Nghị định này.

Đối với trường hợp tại điểm a khoản 1 của Điều này, hồ sơ đề nghị nộp kèm theo văn bản đồng ý của cơ quan báo chí nước ngoài mà phóng viên thường trú đang làm việc.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ, Bộ Ngoại giao trả lời bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử; trường hợp không chấp thuận, nêu rõ lý do.

3. Sau khi được chấp thuận, phóng viên thường trú kiêm nhiệm thực hiện thủ tục đề nghị cấp thị thực, cấp thẻ phóng viên thường trú theo quy định tại Điều 14, Điều 15 của Nghị định này và hoạt động báo chí theo quy định tại Điều 16 của Nghị định này.

Điều 14. Thị thực cho phóng viên thường trú

Sau khi được Bộ Ngoại giao chấp thuận, phóng viên thường trú thực hiện thủ tục đề nghị cấp thị thực theo quy định. Việc cấp, gia hạn, từ chối cấp hoặc hủy thị thực, thẻ tạm trú đối với phóng viên thường trú được thực hiện theo quy định của pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 15. Thẻ phóng viên thường trú

Thẻ phóng viên thường trú là giấy tờ do Bộ Ngoại giao cấp, xác nhận tư cách và cho phép phóng viên thường trú hoạt động báo chí tại Việt Nam theo quy định của pháp luật. Thẻ có thời hạn phù hợp với thời hạn thị thực của phóng viên.

1. Cấp mới: Sau khi nhập cảnh Việt Nam, phóng viên thường trú gửi hồ sơ đề nghị trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, trực tuyến hoặc thư điện tử đến Bộ Ngoại giao.

Thành phần hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp thẻ theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Bản chụp trang thông tin cá nhân trong hộ chiếu còn giá trị và thị thực nhập cảnh Việt Nam của phóng viên thường trú.

c) Ảnh chân dung 03 cm x 04 cm, phông nền trắng, chụp không quá 06 tháng.

2. Cấp lại: Trường hợp xin cấp lại thẻ do bị hỏng, bị mất, văn phòng thường trú nộp hồ sơ theo quy định tại khoản 1 của Điều này. Phóng viên thường trú nộp lại thẻ bị hỏng khi nhận thẻ mới.

3. Gia hạn: Phóng viên làm thủ tục gia hạn thẻ chậm nhất 15 ngày trước khi thẻ hết hạn; hồ sơ tương tự như quy định tại khoản 1 của Điều này, kèm theo bản chụp thẻ và nộp lại bản chính khi nhận thẻ mới.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị hợp lệ, Bộ Ngoại giao hoàn thành việc cấp lần đầu, cấp lại hoặc gia hạn thẻ.

Trong trường hợp từ chối hoặc quá hạn giải quyết hồ sơ, Bộ Ngoại giao thông báo cho phóng viên thường trú bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử.

5. Khi hoạt động báo chí tại Việt Nam, phóng viên thường trú xuất trình thẻ, hộ chiếu cho các cơ quan chức năng của Việt Nam khi được yêu cầu.

6. Chậm nhất 15 ngày trước khi phóng viên thường trú kết thúc thời gian hoạt động tại Việt Nam, văn phòng thường trú thông báo cho Bộ Ngoại giao bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử và nộp lại thẻ cho Bộ Ngoại giao vào ngày phóng viên kết thúc hoạt động. Trường hợp không nộp lại thẻ, văn phòng thường trú thông báo cho Bộ Ngoại giao bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử và nêu rõ lý do. Trong thời hạn 03 ngày kể từ khi nhận được thông báo của văn phòng thường trú, Bộ Ngoại giao thông báo tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan chức năng liên quan về việc hủy hiệu lực của thẻ phóng viên

thường trú đã cấp.

7. Thẻ bị thu hồi trong các trường hợp sau:

- a) Phóng viên thường trú chấm dứt hoạt động trước thời hạn ghi trên thẻ.
- b) Văn phòng thường trú chấm dứt hoạt động.
- c) Phóng viên thường trú có hành vi vi phạm quy định pháp luật về báo chí và các quy định pháp luật liên quan, bị cơ quan có thẩm quyền đình chỉ hoạt động báo chí tại Việt Nam hoặc bị trục xuất.

8. Đối với các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 7 Điều này, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lý do thu hồi, văn phòng thường trú hoặc cơ quan báo chí nước ngoài chủ quản có trách nhiệm nộp lại thẻ cho Bộ Ngoại giao. Trường hợp không nộp lại thẻ, văn phòng thường trú thông báo cho Bộ Ngoại giao bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử và nêu rõ lý do. Trong thời hạn 03 ngày kể từ khi nhận được thông báo của văn phòng thường trú, Bộ Ngoại giao thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan chức năng liên quan về việc hủy hiệu lực của thẻ phóng viên thường trú đã cấp.

9. Đối với các trường hợp quy định tại điểm c khoản 7 của Điều này, khi phát hiện vi phạm hoặc nhận được văn bản thông báo vi phạm kèm theo tài liệu chứng minh của cơ quan chức năng hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Ngoại giao ban hành văn bản thu hồi thẻ trong thời hạn 02 ngày làm việc.

Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được văn bản thu hồi quy định tại khoản 9 của Điều này, phóng viên thường trú hoặc văn phòng thường trú có trách nhiệm nộp lại thẻ cho Bộ Ngoại giao.

Trường hợp không nộp lại thẻ, văn phòng thường trú thông báo cho Bộ Ngoại giao bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử và nêu rõ lý do. Trong thời hạn 03 ngày kể từ khi nhận được thông báo của văn phòng thường trú, Bộ Ngoại giao thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan chức năng liên quan về việc hủy hiệu lực của thẻ phóng viên thường trú đã cấp.

Điều 16. Hoạt động báo chí của phóng viên thường trú

1. Đối với các yêu cầu phỏng vấn lãnh đạo cấp cao Việt Nam, văn phòng thường trú gửi văn bản đề nghị trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, trực tuyến hoặc thư điện tử đến Bộ Ngoại giao.

2. Đối với các yêu cầu tiếp xúc, phỏng vấn lãnh đạo các bộ, ban, ngành, địa phương, văn phòng thường trú gửi đề nghị trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, trực tuyến, hoặc thư điện tử đến các bộ, ban, ngành, địa phương liên quan trừ

trường hợp có yêu cầu riêng, đồng thời thông báo cho Bộ Ngoại giao.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được thư đề nghị, các bộ, ban, ngành, địa phương có trách nhiệm trả lời văn phòng thường trú bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử, đồng thời thông báo cho Bộ Ngoại giao.

3. Đối với các hoạt động báo chí tại địa phương, văn phòng thường trú gửi văn bản đề nghị hoạt động báo chí của phóng viên thường trú theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, trực tuyến, hoặc thư điện tử đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời thông báo cho Bộ Ngoại giao.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được thư đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời văn phòng thường trú bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử, đồng thời thông báo cho Bộ Ngoại giao.

Phóng viên thường trú, trợ lý báo chí chỉ được hoạt động báo chí tại địa phương khi được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận, đồng thời tuân thủ pháp luật Việt Nam.

Điều 17. Trợ lý báo chí của văn phòng thường trú

1. Trợ lý báo chí được phép thực hiện các công việc hỗ trợ hoạt động báo chí của phóng viên thường trú và văn phòng thường trú tại Việt Nam như chụp ảnh, quay phim, phiên dịch và các công việc hành chính hỗ trợ cho hoạt động của văn phòng thường trú. Trợ lý báo chí không được hưởng quy chế phóng viên thường trú và không được tiến hành các hoạt động báo chí thay thế phóng viên thường trú.

2. Văn phòng thường trú có nhu cầu thuê trợ lý báo chí gửi hồ sơ đề nghị trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính, thư điện tử đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính tại địa phương nơi văn phòng thường trú đặt trụ sở.

Thành phần hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp phép làm trợ lý báo chí của văn phòng thường trú theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Ảnh chân dung 03 cm x 04 cm, phong nền trắng, chụp không quá 06 tháng.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp thẻ trợ lý báo chí, đồng thời thông báo cho Bộ Ngoại giao. Trường hợp không chấp thuận, cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lời bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử cho văn phòng thường trú nêu lý do, đồng thời thông báo cho Bộ Ngoại giao. Thời hạn của thẻ là 05 năm.

3. Thành phần hồ sơ đề nghị xin gia hạn, cấp lại thẻ do hết hạn, bị mất, hỏng tương tự như quy định tại khoản 2 của Điều này. Thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc.

Chậm nhất 15 ngày trước khi thẻ hết hạn, văn phòng thường trú làm thủ tục gia hạn. Trợ lý báo chí nộp lại thẻ hết hạn, hoặc thẻ bị hỏng khi nhận thẻ mới. Cơ quan cấp thẻ có trách nhiệm thông báo cho Bộ Ngoại giao về việc gia hạn, cấp lại thẻ.

4. Việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý trợ lý báo chí của các văn phòng thường trú thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam.

5. Khi hỗ trợ phóng viên thường trú thực hiện hoạt động báo chí tại Việt Nam, trợ lý báo chí xuất trình thẻ, căn cước cho các cơ quan chức năng của Việt Nam khi được yêu cầu.

6. Trong thời hạn 15 ngày trước khi trợ lý báo chí kết thúc thời gian làm việc, văn phòng thường trú thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử, và nộp lại thẻ cho cơ quan cấp thẻ vào ngày trợ lý báo chí kết thúc thời gian làm việc.

7. Thu hồi thẻ trong các trường hợp sau:

- a) Trợ lý báo chí chấm dứt hoạt động trước thời hạn ghi trên thẻ.
- b) Văn phòng thường trú chấm dứt việc thuê trợ lý báo chí hoặc chấm dứt hoạt động tại Việt Nam.
- c) Trợ lý báo chí có hành vi vi phạm quy định pháp luật về báo chí và các quy định pháp luật liên quan.
- d) Trợ lý báo chí sử dụng thẻ không đúng mục đích hoặc cho người khác mượn thẻ.

8. Đối với các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 7 của Điều này, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lý do thu hồi, văn phòng thường trú hoặc trợ lý báo chí có trách nhiệm nộp lại thẻ cho cơ quan cấp thẻ. Trường hợp không nộp lại thẻ, văn phòng thường trú thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử và nêu rõ lý do. Trong thời hạn 03 ngày kể từ khi nhận được thông báo của văn phòng thường trú, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo cho Bộ Ngoại giao và các cơ quan chức năng liên quan bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử về việc hủy hiệu lực của thẻ trợ lý báo chí đã cấp.

9. Đối với các trường hợp quy định tại điểm c và điểm d khoản 7 của Điều này, khi phát hiện vi phạm hoặc nhận được văn bản thông báo vi phạm

kèm theo tài liệu chứng minh của cơ quan chức năng, cơ quan cấp thẻ ban hành văn bản thu hồi thẻ trong thời hạn 02 ngày làm việc và thông báo cho Bộ Ngoại giao.

Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được văn bản thu hồi quy định tại khoản 9 của Điều này, trợ lý báo chí hoặc văn phòng thường trú có trách nhiệm nộp lại thẻ cho cơ quan cấp thẻ.

Trường hợp không nộp lại thẻ, văn phòng thường trú thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử và nêu rõ lý do. Trong thời hạn 03 ngày kể từ khi nhận được thông báo của văn phòng thường trú, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo cho Bộ Ngoại giao và các cơ quan chức năng liên quan bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử về việc hủy hiệu lực của thẻ trợ lý báo chí đã cấp.

Điều 18. Cộng tác viên của văn phòng thường trú

1. Khi có nhu cầu thuê cộng tác viên, văn phòng thường trú gửi hồ sơ đề nghị trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, trực tuyến hoặc thư điện tử đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính tại địa phương nơi văn phòng thường trú đặt trụ sở.

Thành phần hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp phép làm cộng tác viên của văn phòng thường trú theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Ảnh chân dung 03 cm x 04 cm, phong nền trắng, chụp không quá 06 tháng.

c) Bản chụp trang thông tin cá nhân trong hộ chiếu và thị thực nhập cảnh Việt Nam trong trường hợp là người nước ngoài.

d) Nếu người được thuê làm cộng tác viên là đối tượng được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao, lãnh sự, người được thuê phải có văn bản cam kết từ bỏ quyền ưu đãi miễn trừ có xác nhận của cơ quan đại diện nước ngoài trong các hoạt động với tư cách là cộng tác viên tính từ thời điểm được chấp thuận làm cộng tác viên văn phòng thường trú hoặc theo thỏa thuận giữa Việt Nam và nước cử.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lời văn phòng thường trú bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử, đồng thời thông báo cho Bộ Ngoại giao.

2. Văn phòng thường trú chỉ được phép thuê và sử dụng cộng tác viên sau khi được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận.

Cộng tác viên của văn phòng thường trú chỉ được phép thực hiện các

công việc hỗ trợ hoạt động báo chí của phóng viên thường trú, văn phòng thường trú như quay phim, chụp ảnh, phiên dịch trong một số hoạt động cụ thể, trong một thời gian nhất định và không được hoạt động thay thế phóng viên thường trú.

Chương III

HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ VÀ HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN BÁO CHÍ CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NƯỚC NGOÀI, TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Điều 19. Hoạt động xuất bản ấn phẩm thông tin nước ngoài

1. Cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam khi xuất bản bản tin, đặc san tại Việt Nam phải có giấy phép xuất bản do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp theo quy định của pháp luật về báo chí.

2. Cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam khi xuất bản bản tin, đặc san phải thực hiện đúng nội dung giấy phép và không được chuyển nhượng giấy phép.

3. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xuất bản bản tin, đặc san là cơ quan có thẩm quyền quyết định đình chỉ xuất bản hoặc thu hồi giấy phép theo quy định của pháp luật.

4. Việc xuất bản các ấn phẩm thông tin nước ngoài không phải là bản tin, đặc san thực hiện theo quy định của pháp luật về xuất bản và quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam.

Điều 20. Hợp báo

1. Khi có nhu cầu tổ chức hợp báo tại Hà Nội, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài thông báo bằng văn bản trực tiếp hoặc trực tuyến cho Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch chậm nhất 24 giờ trước thời điểm dự định hợp báo, đồng thời thông báo cho Bộ Ngoại giao.

2. Khi có nhu cầu tổ chức hợp báo tại các địa phương khác, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài thông báo bằng văn bản trực tiếp hoặc trực tuyến tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chậm nhất 24 giờ trước thời điểm dự định hợp báo, đồng thời thông báo cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Ngoại giao.

3. Hợp báo của đoàn khách nước ngoài thăm Việt Nam theo lời mời của lãnh đạo Đảng và Nhà nước hoặc Bộ Ngoại giao được thực hiện theo chương trình

chính thức của đoàn. Hợp báo không thuộc chương trình chính thức của đoàn thì thực hiện các thủ tục theo khoản 1, 2 của Điều này.

4. Đối với hợp báo của đoàn khách nước ngoài thăm Việt Nam theo lời mời của các bộ, ban, ngành, địa phương, cơ quan chủ trì đón tiếp thông báo trực tiếp hoặc trực tuyến bằng văn bản cho Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Bộ Ngoại giao và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nếu tổ chức tại địa phương) chậm nhất 24 giờ trước thời điểm dự định hợp báo.

5. Nội dung thông báo hợp báo đề nghị nêu rõ cơ quan, tổ chức, cá nhân chủ trì hợp báo, địa điểm và thời gian, nội dung và tài liệu chứng minh tính hợp pháp của nội dung thông tin được cung cấp cho báo chí trong cuộc hợp báo, danh sách các cơ quan báo chí mời dự hợp báo.

6. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời về việc không được tổ chức hợp báo trong trường hợp thông báo về việc hợp báo của cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam không bảo đảm yêu cầu quy định tại khoản 5 của Điều này, đồng thời thông báo cho Bộ Ngoại giao.

Trong trường hợp cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam hợp báo không đúng nội dung quy định tại khoản 5 Điều này hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật Việt Nam thì cơ quan quản lý nhà nước có quyền đình chỉ cuộc hợp báo, đồng thời thông báo cho Bộ Ngoại giao.

Điều 21. Trưng bày tranh, ảnh, treo pa-nô, áp phích, màn hình và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam; chiếu phim, triển lãm có mời công dân Việt Nam tham dự tại Việt Nam

1. Khi có nhu cầu trưng bày tranh, ảnh, treo pa-nô, áp phích, màn hình và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam gửi văn bản đề nghị trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, trực tuyến hoặc thư điện tử đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nếu có trụ sở tại Hà Nội hoặc gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nếu có trụ sở tại các địa phương khác.

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện, hồ sơ và thủ tục cấp phép tại khoản 1 của Điều này.

2. Cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam được tổ chức chiếu phim tại các địa điểm chiếu phim công cộng theo quy định của pháp luật Việt Nam và phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật

về điện ảnh và các quy định pháp luật có liên quan của Việt Nam, trừ trường hợp có quy định khác tại điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Trước khi tổ chức chiếu phim tại địa điểm chiếu phim công cộng, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài gửi văn bản thông báo về nội dung, chương trình chiếu phim đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức chiếu phim.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo, trường hợp nội dung phim hoặc chương trình chiếu phim có dấu hiệu vi phạm theo quy định của pháp luật về điện ảnh và quy định pháp luật có liên quan của Việt Nam, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản không đồng ý và nêu rõ lý do.

Sau thời hạn nêu trên, nếu không có ý kiến bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài được thực hiện việc chiếu phim theo nội dung đã thông báo.

3. Khi tổ chức triển lãm tại Việt Nam, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam phải tuân thủ quy định của pháp luật về triển lãm, pháp luật về xuất bản, mỹ thuật, nhiếp ảnh và các quy định pháp luật có liên quan của Việt Nam.

Trước khi tổ chức triển lãm, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài phải thực hiện thủ tục đề nghị cấp phép tổ chức triển lãm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam theo quy định của pháp luật đối với từng loại hình triển lãm.

Hồ sơ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền và thời hạn giải quyết việc cấp giấy phép tổ chức triển lãm được thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan.

Chương IV **TRÁCH NHIỆM THI HÀNH**

Điều 22. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao

1. Bộ Ngoại giao chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước đối với mọi hoạt động báo chí và hoạt động liên quan đến báo chí của cơ quan báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài và tổ chức nước ngoài tại Việt Nam.

2. Trong công tác quản lý hoạt động báo chí của cơ quan báo chí nước ngoài, Bộ Ngoại giao thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Quản lý, cấp phép, hướng dẫn, cung cấp dịch vụ cần thiết khác cho phóng viên nước ngoài vào hoạt động báo chí tại Việt Nam.

b) Cấp phép cho cơ quan báo chí nước ngoài lập văn phòng thường trú tại Việt Nam và cử phóng viên thường trú, phối hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc văn phòng thường trú thuê trợ lý báo chí, cộng tác viên.

c) Quản lý, hướng dẫn hoạt động báo chí của phóng viên thường trú, văn phòng thường trú tại Việt Nam.

d) Phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giải quyết các yêu cầu nghiệp vụ, kỹ thuật; yêu cầu nhập xuất các phương tiện nghiệp vụ, kỹ thuật; yêu cầu về xuất nhập cảnh, cư trú, đi lại và các yêu cầu khác phục vụ cho hoạt động báo chí của báo chí nước ngoài tại Việt Nam.

3. Phối hợp với Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch giải quyết các yêu cầu hoạt động liên quan đến báo chí của cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam.

4. Hướng dẫn thi hành những quy định về hoạt động báo chí của báo chí nước ngoài thuộc thẩm quyền của Bộ Ngoại giao.

5. Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp, báo cáo định kỳ hằng năm về việc thực hiện những quy định về hoạt động báo chí và hoạt động liên quan đến báo chí của cơ quan báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam.

6. Hướng dẫn, tập huấn và hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong công tác quản lý, hướng dẫn hoạt động báo chí nước ngoài tại địa phương.

Điều 23. Trách nhiệm của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

1. Quản lý, cấp phép cho hoạt động báo chí và hoạt động liên quan đến báo chí của cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài bao gồm:

a) Xuất bản, lưu hành ấn phẩm thông tin nước ngoài.

b) Hợp báo nước ngoài tại Việt Nam.

c) Trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Hà Nội.

d) Quản lý, cấp phép việc treo pa-nô, áp phích, màn hình bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Hà Nội; chiếu phim, triển lãm của cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Hà Nội có mời công dân Việt Nam tham dự.

2. Hướng dẫn thi hành những quy định về hoạt động báo chí và hoạt động liên quan đến báo chí của cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài thuộc thẩm quyền của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan xử lý vi phạm đối với các hoạt động báo chí và hoạt động liên quan đến báo chí của cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài.

Điều 24. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm tiếp nhận, xem xét và giải quyết các đề nghị hoạt động báo chí tại địa phương của phóng viên nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài; cấp thẻ trợ lý báo chí và cấp phép cộng tác viên của văn phòng thường trú; phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan liên quan quản lý, hướng dẫn hoạt động của phóng viên nước ngoài và xử lý khi có vi phạm.

Điều 25. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ

1. Bộ Công an chủ trì, phối hợp các bộ, cơ quan ngang bộ bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội trong hoạt động báo chí nước ngoài; bảo đảm an ninh, an toàn cho các cơ quan báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam; phát hiện, phòng ngừa và xử lý các hành vi lợi dụng báo chí xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội theo quy định của pháp luật; phối hợp chặt chẽ với Bộ Ngoại giao và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch bảo đảm thời gian quy định trong giải quyết các thủ tục hành chính về cấp phép, quản lý, hướng dẫn hoạt động báo chí nước ngoài.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, chịu trách nhiệm phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý và xử lý vi phạm đối với các hoạt động báo chí của cơ quan báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các giấy phép, văn bản chấp thuận đã được cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành được tiếp tục sử dụng cho đến khi hết thời hạn ghi trong giấy phép, văn bản chấp thuận đó.

2. Giấy phép thành lập Văn phòng thường trú của cơ quan báo chí nước ngoài không quy định thời hạn được cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực

thi hành thì được tiếp tục sử dụng và không phải thực hiện thủ tục cấp đổi.

3. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hợp lệ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được cấp phép thì tiếp tục được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 88/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2012 quy định về hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, QHQT (2). *12*

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Phạm Gia Túc

Phụ lục
CÁC MẪU VĂN BẢN
KÈM THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 262/2026/NĐ-CP NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2026
QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ CỦA
CƠ QUAN BÁO CHÍ NƯỚC NGOÀI, CƠ QUAN ĐẠI DIỆN
NƯỚC NGOÀI, TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM
(Kèm theo Nghị định số 262/2026/NĐ-CP
ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu 01/BC-BNG	Văn bản đề nghị hoạt động báo chí tại Việt Nam cho phóng viên không thường trú
Mẫu 02/BC-BNG	Văn bản đề nghị thành lập văn phòng báo chí thường trú tại Việt Nam
Mẫu 03/BC-BNG	Văn bản đề nghị cử phóng viên thường trú tại Việt Nam
Mẫu 04/BC-BNG	Văn bản đề nghị hoạt động báo chí của văn phòng báo chí nước ngoài
Mẫu 05/BC-BNG	Văn bản đề nghị cấp mới/cấp lại/gia hạn thẻ phóng viên thường trú
Mẫu 06/BC-BNG	Văn bản đề nghị chấp thuận trợ lý báo chí
Mẫu 07/BC-BNG	Văn bản đề nghị chấp thuận cộng tác viên báo chí
Mẫu 08/BC-BNG	Thông tin tóm tắt lý lịch cá nhân của người được cử làm phóng viên thường trú

Mẫu 01/BC-BNG
Form 01/BC-BNG

(Tên cơ quan báo chí nước ngoài)
(Name of the foreign press agency)

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN BÁO CHÍ TẠI VIỆT NAM
CHO PHÓNG VIÊN KHÔNG THƯỜNG TRÚ
REQUEST FORM
FOR PRESS ACTIVITIES OF NON-RESIDENT CORRESPONDENTS
IN VIET NAM

....., ngày tháng năm
 (dd/mm/yyyy)

Kính gửi: Bộ Ngoại giao
 Nước CHXHCN Việt Nam.

*To: The Ministry of Foreign Affairs
 of the Socialist Republic of Viet Nam.*

Tên cơ quan báo chí/*Press agency*:.....

Địa chỉ/*Address*:.....

Điện thoại/*Telephone number*:.....

Website:..... Email:.....

I. Thông tin về đoàn phóng viên/*Press delegation details*

1. Họ và tên/*Full name (As shown in passport)*:

Ngày tháng năm sinh/*Date of birth (dd/mm/yyyy)*:.....

Giới tính/*Gender*:.....

Quốc tịch hiện nay/*Nationality*:.....

Quốc tịch gốc/*Original nationality*:.....

Số hộ chiếu/*Passport number*:.....

Ngày cấp/*Date of issuance*:.....

Ngày hết hạn/*Date of expiry*:.....

Địa chỉ/*Address*:.....

Điện thoại/*Mobile*:.....*Email*:.....

Chức danh/*Title*:.....

Nơi nhận thị thực/*Place of visa issuance (provide specific name of overseas Vietnamese representative office or entry airport in case of requesting visa on arrival)*:.....

2. Họ và tên/*Full name (As shown in passport)*:

.....

3.

II. Chương trình hoạt động thông tin, báo chí/Tentative programme

1. Mục đích chương trình/*Purpose*:.....

2. Nội dung chương trình/*Content*:.....

3. Thời gian thực hiện/*Time*:.....

4. Địa điểm hoạt động/*Place(s)*:.....

5. Dự kiến câu hỏi phỏng vấn/*Questions for interview*:.....

6. Dự kiến phát hành/phát sóng/*Publication and broadcasting plan*:.....

III. Danh mục phương tiện kỹ thuật, nghiệp vụ mang vào Việt Nam

List of technical equipment to be brought into Viet Nam

1. ...

2. ...

3. ...

IV. Cơ quan chức năng được Bộ Ngoại giao chấp thuận (nếu có)

Agency authorized by the Ministry of Foreign Affairs (if any)

1. Tên cơ quan/*Name*:.....

2. Địa chỉ/*Address*:

3. Điện thoại/*Tel*:*Email*:.....

Các phóng viên cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật của Việt Nam.

The correspondent(s) hereby undertake(s) to comply fully with Vietnamese laws and regulations.

Đại diện có thẩm quyền của cơ quan báo chí nước ngoài

Authorized representative of the foreign press agency

(Ghi rõ họ tên, ký)

(Signature, full name)

Mẫu 02/BC-BNG
Form 02/BC-BNG

(Tên cơ quan báo chí nước ngoài)
(Name of the foreign press agency)

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
THÀNH LẬP VĂN PHÒNG BÁO CHÍ THƯỜNG TRÚ TẠI VIỆT NAM
APPLICATION FORM FOR THE ESTABLISHMENT
OF RESIDENT FOREIGN PRESS OFFICE IN VIET NAM

....., ngày .. tháng .. năm
 (dd/mm/yyyy)

Kính gửi: Bộ Ngoại giao
 Nước CHXHCN Việt Nam.

*To: The Ministry of Foreign Affairs
 of the Socialist Republic of Viet Nam.*

1. Tên cơ quan báo chí/*Press agency*:.....
2. Địa chỉ/*Address*:.....
3. Điện thoại/*Tel*:..... Website:..... Email:.....
4. Thông tin về cơ quan báo chí nước ngoài/*Information about the foreign press agency*:
5. Địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng thường trú/*Proposed location of the resident press office*:
6. Cơ quan báo chí (tên cơ quan báo chí) đề nghị mở văn phòng thường trú tại tỉnh/thành phố..... và cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam.

The foreign press agency (name of the press agency) requests to establish a resident office in [Name of Province/City]and hereby undertakes to comply fully with the laws and regulations of Viet Nam.

Đại diện có thẩm quyền của cơ quan báo chí nước ngoài
Authorized representative of the foreign press agency
 (Ghi rõ họ tên, ký và đóng dấu)
 (Signature, full name and seal)

Mẫu 03/BC-BNG
Form 03/BC-BNG

(Tên cơ quan báo chí nước ngoài)
(Name of the foreign press agency)

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
CỦ PHÓNG VIÊN THƯỜNG TRÚ TẠI VIỆT NAM
APPLICATION FOR
THE ASSIGNMENT OF RESIDENT CORRESPONDENT TO VIET NAM

...., ngày tháng năm ...
 (dd/mm/yyyy)

Kính gửi: Bộ Ngoại giao
 Nước CHXHCN Việt Nam.

*To: The Ministry of Foreign Affairs
 of the Socialist Republic of Viet Nam.*

1. Tên cơ quan báo chí/*Press agency*:.....
2. Địa chỉ/*Address*:.....
3. Điện thoại/*Tel*:..... Website:..... Email:.....
4. Tên phóng viên thường trú được cử/*Name of the assigned resident correspondent(s)*:.....
5. Cơ quan báo chí (tên cơ quan báo chí) cam kết phóng viên thường trú tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam.

The foreign press agency (name of the press agency) hereby undertakes that the resident correspondent(s) will comply fully with the laws and regulations of Viet Nam.

Đại diện có thẩm quyền của cơ quan báo chí nước ngoài
Authorized representative of the foreign press agency
 (Ghi rõ họ tên, ký và đóng dấu)
 (Signature, full name, and seal)

Mẫu 04/BC-BNG
Form 04/BC-BNG

(Tên cơ quan báo chí nước ngoài)
(Name of the foreign press agency)

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ CỦA
VĂN PHÒNG BÁO CHÍ NƯỚC NGOÀI THƯỜNG TRÚ
REQUEST FOR
PRESS ACTIVITIES BY THE RESIDENT FOREIGN PRESS OFFICE

....., ngày tháng năm
 (dd/mm/yyyy)

Kính gửi:

To:

Văn phòng thường trú báo chí nước ngoài/*The resident foreign press office*:.....

Địa chỉ/*Address*:.....

Điện thoại/*Tel*:.....Email:

I. Dự kiến chương trình hoạt động thông tin, báo chí/*Tentative program of press activities*

1. Mục đích chương trình/*Purpose(s)*:.....
2. Nội dung hoạt động/*Content of activities*:.....
3. Thời gian thực hiện/*Duration*:.....
4. Địa điểm hoạt động/*Locations*:.....
5. Dự kiến câu hỏi phỏng vấn/*Proposed interview questions*:.....
6. Dự kiến phát hành/phát sóng/*Proposed publication and broadcasting plan*:

II. Thông tin về đoàn phóng viên/*Details of the crew*

1. Họ và tên/*Full name*:.....

Chức vụ/*Title*:.....

2. Họ và tên/*Full name*:.....

Chức vụ/*Title*:.....

Các phóng viên cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam.

The above mentioned correspondent(s) hereby undertake(s) to comply fully with Vietnamese laws and regulations.

Đại diện có thẩm quyền của văn phòng thường trú
Authorized representative
of the resident foreign press office
 (Ghi rõ họ tên, ký và đóng dấu)
 (Full name, signature and seal)

Mẫu 05/BC-BNG
Form 05/BC-BNG

(Tên cơ quan báo chí nước ngoài)
(Name of the foreign press agency)

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
CẤP MỚI/CẤP LẠI/GIA HẠN THẺ PHÓNG VIÊN THƯỜNG TRÚ
REQUEST FOR THE ISSUANCE, RE-ISSUANCE, OR EXTENSION OF
RESIDENT FOREIGN PRESS CARDS

....., ngày tháng năm
 (dd/mm/yyyy)

Kính gửi: Bộ Ngoại giao
 Nước CHXHCN Việt Nam.

*To: The Ministry of Foreign Affairs
 of the Socialist Republic of Viet Nam.*

1. Tên cơ quan báo chí/*Press agency*:.....
 2. Địa chỉ/*Address*:.....
 3. Điện thoại/*Tel*: *Website*: *Email*:
 4. Đề nghị/*Request to*:
 - Cấp mới/*Issue*: ☐
 - Cấp lại/*Re-issue*: ☐
 - Do hỏng/*Due to damage*: ☐
 - Do mất/*Due to loss*: ☐
 - Gia hạn/*Renew*: ☐
- Thẻ phóng viên thường trú cho/*The resident foreign press card to*:.....

Đại diện có thẩm quyền của văn phòng thường trú
Authorized representative
of the resident foreign press office
(Ghi rõ họ tên, ký và đóng dấu)
(Signature, full name, and seal)

Mẫu 06/BC-BNG
Form 06/BC-BNG

(Tên cơ quan báo chí nước ngoài)
(Name of the foreign press agency)

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN TRỢ LÝ BÁO CHÍ
REQUEST FORM FOR PRESS ASSISTANT

..., ngày tháng năm.....
 (dd/mm/yyyy)

Kính gửi:

To:

1. Văn phòng báo chí thường trú/*Resident foreign press office*:.....
2. Địa chỉ/*Address*:.....
3. Điện thoại/*Tel*:... *Email*:.....
4. Nội dung đề nghị:
 - ☐ Đề nghị chấp thuận trợ lý báo chí/*Request for approval of press assistant*
 - ☐ Cấp mới Thẻ trợ lý báo chí/*Issue the press assistant's card*
 - ☐ Gia hạn Thẻ trợ lý báo chí/*Renew the press assistant's card*
 - ☐ Cấp lại Thẻ trợ lý báo chí/*Re-issue the press assistant's card*
 - ☐ Do hỏng/*Due to damage*
 - ☐ Do mất/*Due to loss*
5. Thông tin nhân sự đề nghị/*Information of the proposed personnel*:

Họ và tên/*Full name in block letters - as shown in passport*):.....

Ngày sinh/*Date of birth*:

Số Hộ chiếu hoặc số CCCD/*Passport or ID number*:

Hình thức làm việc/*To work as*: Trợ lý báo chí/*Press Assistant*

Thời gian hoạt động/*For the period*: Từ/*from* đến/*to*
6. Văn phòng thường trú (tên cơ quan báo chí) cam kết trợ lý báo chí của văn phòng thường trú tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam.

The resident press office (name of the press agency)..... hereby undertakes that the press assistant(s) hired by itself will comply fully with the laws and regulations of Viet Nam.

Đại diện có thẩm quyền của văn phòng thường trú

Authorized representative
of the resident foreign press office
 (Ghi rõ họ tên, ký và đóng dấu)
 (Name signature and seal)

Mẫu 07/BC-BNG
Form 07/BC-BNG

(Tên cơ quan báo chí nước ngoài)
(Name of the foreign press agency)

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN CỘNG TÁC VIÊN BÁO CHÍ
REQUEST FORM FOR PRESS STRINGER

....., ngày tháng năm
 (dd/mm/yyyy)

Kính gửi:

To:

1. Văn phòng báo chí thường trú/*The resident foreign press office*:.....

2. Địa chỉ/*Address*:.....

3. Điện thoại/*Tel*:... Email:.....

4. Đề nghị chấp thuận cho ông/bà:*Request for Mr/Mrs*

Họ và tên/*Full name in block letters (As shown in passport)*::.....

Ngày tháng năm sinh/*Date of birth (dd/mm/yyyy)*:.....

Số Hộ chiếu hoặc CMT/*Passport of ID number*:.....

Làm việc dưới hình thức/to work as: Cộng tác viên/*Stringer*, trong khoảng thời gian từ/*for the period from* đến/*to*.....

5. Văn phòng thường trú (tên cơ quan báo chí) cam kết cộng tác viên báo chí của văn phòng thường trú tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam.

The resident press office (name of the press agency)..... hereby undertakes that the stringer(s) hired by itself will comply fully with the laws and regulations of Viet Nam.

Đại diện có thẩm quyền của văn phòng thường trú
Authorized representative
of the resident foreign press office
 (Ghi rõ họ tên, ký và đóng dấu)
 (Name signature and seal)

Mẫu 08/BC-BNG
Form 08/BC-BNG

THÔNG TIN TÓM TẮT LÝ LỊCH CÁ NHÂN
Đối với phóng viên thường trú nước ngoài tại Việt Nam
BIOGRAPHY/ CURRICULUM VITAE
For resident foreign correspondents in Viet Nam

1. **Họ và tên (chữ in hoa)/Full name in block letters (As shown in passport):....**
2. **Ngày, tháng, năm sinh/Date of birth:/...../..... (dd/mm/yyyy)**
3. **Tên cơ quan báo chí nước ngoài chủ quản/Name of the foreign press agency:.....**
4. **Trụ sở chính của cơ quan báo chí/Head office address:**
5. **Chức vụ hiện tại của người được cử/Current position/title:**
6. **Liệt kê các vị trí công tác liên quan đến hoạt động báo chí, truyền thông/
List previous journalism-related employments**

Thời gian (Time) (Từ tháng/năm - đến tháng/năm) (From mm/yyyy - mm/yyyy)	Cơ quan/Tổ chức công tác (Name of Employer/Organization)	Chức vụ/Nhiệm vụ (Position/Duties)	Nơi làm việc/ Quốc gia (Location/Country)

7. **Các sản phẩm báo chí tiêu biểu (Liệt kê một số sản phẩm báo chí tiêu biểu đã thực hiện trong 01 năm gần nhất) nếu có/Press works (Please list representative press works completed within the last 01 year)**

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật/This is to certify that the above statement is true and correct.

Phóng viên ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)
 (Name signature and seal if any)